

Bản án số: **03/2023/HNGĐ-PT**
Ngày: 21/3/2023
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoàn,

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Nam và ông Hồ Thanh Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 20 và 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân, tỉnh Tuyên Quang xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số: 17/2022/TLHNGĐ-PT ngày 01/12/2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình số: 181/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXPT-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2023; Thông báo hoãn phiên tòa xét xử phúc thẩm số: 01/TB-TA ngày 13/02/2023; Thông báo hoãn phiên tòa xét xử phúc thẩm số: 03/TB-TA ngày 27/02/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 02/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 10/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Diệp C, sinh năm 1990;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà N, tổ dân phố 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 09, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (về phần yêu cầu chia tài sản chung): Ông Vũ Quang B và ông Ngô Việt T - Công ty Luật TNHH MTV Q, Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang. Địa chỉ: Khu dân cư L, tổ dân phố 17, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đàm Q, Luật sư Công ty luật TNHH MTV Q, đoàn luật sư Tuyên Quang. Địa chỉ: Khu dân cư L, tổ dân phố 17, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Tuấn A, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số nhà N, tổ dân phố 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đặng Thị T, sinh năm 1960;
- Ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1954;

Cùng trú tại: Số nhà N, tổ dân phố 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Diệp C, bị đơn anh Đỗ Tuấn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T.

Chị Nguyễn Diệp C, ông Đàm Q, anh Đỗ Tuấn A, bà Đặng Thị T, *có mặt*. Ông Vũ Quang B, ông Ngô Việt T, ông Đỗ Văn T1, *vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Diệp C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn vào ngày 29/8/2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống cùng với gia đình anh Tuấn A tại tổ 10, phường T, thành phố T. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị nộp đơn khởi kiện đến Tòa án đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Tuấn A.

Về con chung: Chị và anh Đỗ Tuấn A có 01 con chung là Đỗ Tuấn T, sinh ngày 09/02/2014. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị đề nghị anh Đỗ Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung với mức là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*)/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Tuấn A có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng có tài sản chung là 02 chiếc xe ô tô. Chiếc thứ nhất nhãn hiệu Hyundai Accent, biển số 22A - 081.90, vợ chồng chị mua năm 2018, khi mua xe ô tô này vợ chồng chị có vay của mẹ chồng (bà Đặng Thị T) số tiền 100.000.000 đồng, vay của Ngân hàng MB số tiền 200.000.000 đồng, nguồn tiền còn lại do 2 vợ chồng tiết kiệm mà có, đăng ký xe ô tô mang tên anh Đỗ Tuấn A. Khi mua xe ô tô này người trực tiếp mua bán và làm thủ tục đăng ký xe là anh Tuấn A.

Chiếc xe ô tô thứ hai nhãn hiệu Mercedes, biển số 22A - 135.55, chủ xe là anh Đỗ Tuấn A, mua năm 2020, khi mua xe này thì chưa bán xe Hyundai Accent. Nguồn tiền mua xe ô tô Mercedes là do vợ chồng chị kinh doanh hoa lan. Việc kinh doanh hoa lan cả hai vợ chồng cùng làm, chị cũng có công chăm sóc. Khi mua xe anh Đỗ Tuấn A đi mua xe và làm các thủ tục đăng ký xe. Khi đi mua xe, có anh T ở Xã Tắc đi cùng, chị không biết địa chỉ cụ thể. Còn người thứ 2 đi cùng chị không biết là ai. Khi đi mua xe ô tô Mercedes, anh Tuấn A cầm tiền mặt đi mua, nguồn tiền là anh Tuấn A bán hoa lan và đi mua, anh Tuấn A tự quản lý nguồn tiền này.

Chị đề nghị Toà án chia đôi tài sản chung là chiếc ô tô Hyundai Accent và ô tô Mercedes là tài sản chung của hai vợ chồng.

Về vay nợ chung: Chị xác nhận chị và anh Tuấn A không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn anh Đỗ Tuấn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về hoàn cảnh kết hôn giữa anh và chị C như chị C trình bày là đúng. Anh và chị C đăng ký kết hôn vào ngày 29/8/2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hoà hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế, hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không hàn gắn được nên anh nhất trí ly hôn với chị C, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh và chị C có 01 con chung là cháu Đỗ Tuấn T, sinh ngày 09/02/2014. Sau khi ly hôn, anh nhất trí chị C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị C, anh có tự làm kinh tế riêng mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, sau đó mua thêm 01 chiếc ô tô nhãn hiệu Mercedes, nhưng do mua chiếc xe ô tô Mercedes thiếu tiền nên anh đã bán chiếc xe ô tô Hyundai Accent. Anh xác định đây là tài sản của cá nhân anh tự làm, chị C không đóng góp tài sản gì để mua xe ô tô cả.

Chiếc xe ô tô Hyundai Accent anh đã bán cách đây mấy tháng, khi mua một mình anh đứng ra vay bạn bè, người quen. Chị C không vay cùng anh.

Chiếc xe ô tô Mercedes anh mua sau này, khi mua xe ô tô này anh có vay nợ bạn bè, cá nhân, gia đình khoảng hơn 1.000.000.000 đồng, sau đó anh bán xe

ô tô Hyundai Accent đi để trả nợ. Hiện nay chiếc xe ô tô Mercedes anh còn nợ khoảng hơn 1.000.000.000 đồng.

Việc vay nợ không có giấy tờ gì do anh vay của mẹ anh và cậu anh (ông Đặng Văn T) đều là người nhà trong gia đình. Anh không nhất trí việc chị C yêu cầu chia đôi tài sản chung là 02 chiếc xe ô tô Hyundai Accent và ô tô Mercedes.

Về vay nợ chung: Anh và chị C không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Đỗ Văn T1: Ông là bố đẻ của anh Đỗ Tuấn A. Chị Nguyễn Diệp C và anh Đỗ Tuấn A là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Sau khi vợ chồng chị C kết hôn về chung sống cùng gia đình ông. Khoảng năm 2020 vợ chồng chị C xảy ra mâu thuẫn, gia đình đã khuyên bảo nhưng không thành. Hiện nay chị C và con chung đã chuyển ra ngoài ở, không ở cùng gia đình ông nữa. Vợ chồng chị C và anh Tuấn A có 01 con chung là cháu Đỗ Tuấn T, sinh ngày 09/02/2014. Hiện cháu T đang ở cùng chị C. Về tài sản chung: Chị C và anh Tuấn A không có gì, nhà đất là của vợ chồng ông. Về 02 chiếc xe ô tô mà chị C yêu cầu chia như trong đơn khởi kiện: Năm 2018 gia đình ông có mua 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent để đi lại sinh hoạt chung cho gia đình. Vợ chồng ông cho anh Tuấn A đứng tên trong Giấy đăng ký xe ô tô, tiền mua xe ô tô là của vợ chồng ông. Đến năm 2021, gia đình ông mua 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes GLC 300 trị giá 2.500.000.000 đồng. Để mua được chiếc xe ô tô này, gia đình ông đã bán chiếc xe ô tô Hyundai Accent và vay thêm tiền của em vợ ông là ông Đặng Văn T. Chiếc xe ô tô này vẫn là tài sản của vợ chồng ông, vợ chồng ông chỉ cho anh Tuấn A đứng tên trong Giấy đăng ký xe ô tô. Nay chị C yêu cầu chia tài sản chung là 02 chiếc xe ô tô này, ông không nhất trí.

- Bà Đặng Thị T: Bà là mẹ đẻ của anh Đỗ Tuấn A, chị Nguyễn Diệp C là con dâu bà. Chị C và anh Tuấn A kết hôn năm 2013 và sống cùng vợ chồng bà. Khi chị C kết hôn với anh Tuấn A, chị C chưa có việc làm, còn anh Tuấn A làm công nhân Công ty G. Vợ chồng anh Tuấn A sống vui vẻ, hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2016 thì hay cãi nhau do tính tình không hợp, gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Đến khoảng tháng 9 năm 2021, chị C đã thuê nhà ra ngoài ở và mang con đi ở cùng. Nay chị C và anh Tuấn A giải quyết ly hôn tại Tòa án, việc này do anh chị tự quyết định.

Vợ chồng anh Tuấn A có 01 con chung là Đỗ Tuấn T, sinh ngày 09/02/2014. Hiện cháu T còn nhỏ cần tình cảm và sự chăm sóc từ mẹ nên gia đình bà đã động viên anh Tuấn A nên để cháu ở cùng mẹ.

Về tài sản chung: Từ khi anh Tuấn A và chị C lấy nhau về ở cùng gia đình nhà bà, vợ chồng chị C không phải mua sắm tài sản gì vì anh Tuấn A đi làm công nhân lương thấp, chị C chưa có việc làm. Sau 03 năm kết hôn, chị C đi làm giáo viên tiểu học nhưng cũng không phải đóng góp gì cho gia đình nhà bà. Cách đây khoảng 02 năm vợ chồng bà cho vợ chồng anh Tuấn A ăn riêng, do bà kinh doanh ở chợ nên thường không ở nhà, vì vậy ông Thắng (là chồng bà) có ăn cùng vợ chồng chị C và góp tiền ăn là 2.000.000 đồng/tháng. Vì vậy vợ chồng chị C không có tài sản chung. Còn vợ chồng chị C có tài sản riêng là tiền hay không bà không biết vì vợ chồng chị C không nói cho bà biết. Bà cũng không biết vợ chồng chị C có vay nợ chung hay không. Riêng về 02 chiếc xe ô tô mà chị C yêu cầu chia như trong đơn khởi kiện, bà không đồng ý, với lý do: Năm 2018 gia đình bà mua chiếc xe ô tô Hyundai Accent trị giá 680.000.000 đồng, xe đăng ký tên anh Đỗ Tuấn A, trong số tiền mua xe, vợ chồng chị C có một phần tiền, một phần vay ở ngân hàng (số tiền 200.000.000 đồng), còn lại là tiền của vợ chồng bà. Đến năm 2020, gia đình bà mua xe ô tô to hơn là xe Mercedes, vợ chồng bà cũng là người bỏ tiền ra mua, sau đó phải bán chiếc xe ô tô Hyundai Accent và vay thêm tiền của ông Đặng Văn T (là em trai bà). Bà xác định chiếc xe ô tô Mercedes là tài sản chung của gia đình vì vợ chồng anh Tuấn A đi làm lương thấp, bà có cửa hàng kinh doanh thóc gạo, vật tư thú y nên vợ chồng bà bỏ tiền ra mua và vay nợ thêm hiện nay vẫn đang nợ tiền ông Thịnh chưa trả. Bà không đồng ý việc chị C yêu cầu chia 02 chiếc xe ô tô này.

Tại biên bản ngày 11/7/2022, bà T trình bày: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes, biển kiểm soát 22A-13555 là tài sản chung của gia đình bà. Do vợ chồng bà tuổi cao và bà cũng đã đứng tên một chiếc xe ô tô khác nên vợ chồng bà để cho anh Tuấn A đứng tên trong giấy đăng ký xe ô tô Mercedes.

Tại biên bản ngày 12/7/2022, anh Đỗ Tuấn A trình bày: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes, biển kiểm soát 22A-13555 là tài sản của bố mẹ anh, bố mẹ anh cho anh đứng tên trong giấy đăng ký xe ô tô này. Anh xác định thu nhập của vợ chồng anh có từ lương nhưng mức lương của vợ chồng anh thấp và không làm thêm việc gì để có thu nhập thêm. Anh không kinh doanh hoa Lan, do anh đam mê chơi hoa Lan nên anh có mua hoa Lan về chăm sóc làm cảnh.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố T xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; hòa giải không thành.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 181/2022/HNGĐ-ST, ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, quyết định:

Căn cứ: Các Điều 28; 35; 39; 147; 157; 165; 228; 266; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 55; 58; 59; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Diệp C và Anh Đỗ Tuấn A.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc giao con chung Đỗ Tuấn T, sinh ngày 09/02/2014 cho chị Nguyễn Diệp C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đỗ Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2022. Anh Đỗ Tuấn A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Xử: Chị Nguyễn Diệp C được quyền sử dụng, sở hữu 30% của số tiền 1.900.000.000 đồng (*Một tỷ chín trăm triệu đồng*) là trị giá chiếc xe ô tô Mercedes - Ben GLC 300 4MATIC, BKS 22A-13555, giấy đăng ký xe mang tên anh Đỗ Tuấn A = 570.000.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi triệu đồng*).

Anh Đỗ Tuấn A được quyền sử dụng, sở hữu 70% của số tiền 1.900.000.000 đồng (*Một tỷ chín trăm triệu đồng*) là trị giá chiếc xe ô tô Mercedes - Ben GLC 300 4MATIC, BKS 22A-13555 giấy đăng ký xe mang tên anh Đỗ Tuấn A = 1.330.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng*).

Hiện số tiền này do bà Đặng Thị T đang quản lý nên bà T phải hoàn trả cho chị Nguyễn Diệp C.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển số 22A - 081.90.

5. Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Diệp C và anh Đỗ Tuấn A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Diệp C và anh Đỗ Tuấn A, mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng là 450.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi nghìn đồng*). Chị C đã nộp đủ số tiền này; trả lại cho chị C số tiền còn thừa là 4.100.000 đồng. Anh Đỗ Tuấn A có nghĩa vụ hoàn trả cho chị C khoản tiền này.

7. Về án phí: Chị Nguyễn Diệp C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí chia tài sản chung là 26.800.000 đồng (*Hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 45.500.000 đồng theo biên lai số 0000073 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Hoàn trả cho chị C số tiền chênh lệch 18.400.000 đồng (*Mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Anh Đỗ Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và 51.900.000 đồng (*Năm một triệu chín trăm nghìn đồng*) án phí chia tài sản chung.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2022, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Diệp C, kháng cáo một phần bản án xác định cấp sơ thẩm giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là trị giá chiếc xe ô tô có giá 1.900.000.000 đồng, chị được hưởng 30%, anh Tuấn A được hưởng 70% giá trị thì chị không nhất trí. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận kháng cáo của chị C tài sản chung của vợ chồng theo nguyên tắc chia đôi (Vì đây là thu nhập không thường xuyên).

Ngày 11/10/2022, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T kháng cáo phần chia tài sản chung trong vụ án ly hôn, xác định chiếc xe ô tô Merceder - Ben biển số 22A-13555 là tài sản thuộc quyền sở hữu của gia đình bà, không phải tài sản chung của vợ chồng anh Tuấn A, chị C như chị C trình bày trong đơn khởi kiện nên không thể chia xe ô tô theo yêu cầu của chị C. Xem xét giải quyết số tiền anh Tuấn A và chị C còn nợ bà 150.000.000 đồng, mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà $\frac{1}{2}$ là 75.000.000 đồng và được khấu trừ khi giải quyết tài sản của anh Tuấn A và chị C để đảm bảo quyền lợi của bà.

Ngày 12/10/2022, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn anh Đỗ Tuấn A không nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chị C không có công sức đóng góp gì đối với chiếc ô tô Merceder - Ben mà Tòa án cấp sơ thẩm chia cho chị C một phần trị giá của chiếc xe là 570.000.000 đồng. Đề nghị xem xét số tiền anh còn nợ do vay để mua lan khi lan bị mất giá không bán được để trả nợ và sai ki không bán được. Đề nghị xem xét số tiền anh và chị C còn nợ bà Đặng Thị T 150.000.000 đồng, mỗi người có nghĩa vụ phải trả 75.000.000 đồng cho bà Thái.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và ý kiến trình bày như tại Tòa án cấp sơ thẩm. Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn xác định: Xe ô tô Merceder - Ben biển số 22A-13555 đứng tên Đỗ Tuấn A được mua năm 2021 trong thời kỳ hôn nhân bằng nguồn tiền thu nhập không thường xuyên (mua bán hoa Lan mà có), xe ô tô anh Đỗ Tuấn A đã bán ngày 30/7/2022, tiền bán xe được chuyển vào tài khoản của anh Đỗ Tuấn A, ngày 01/8/2022 anh Đỗ Tuấn A đã rút tiền mặt và đưa cho bà Đặng Thị T quản lý; quá trình giải quyết vụ án tại cấp

sơ thẩm xe ô tô được định giá 1.900.000.000 đồng; cả anh Đỗ Tuấn A và bà Đặng Thị T đều thừa nhận tiền bán xe ô tô bà Đặng Thị T là người đang quản lý. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) phúc thẩm căn cứ theo khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, Thông tư liên tịch số 01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm về chia tài sản chung của vợ chồng là giá trị chiếc xe ô tô theo nguyên tắc chia đôi, chị Nguyễn Diệp C được hưởng $\frac{1}{2}$ của số tiền 1.900.000.000 đồng là 950.000.000 đồng, buộc bà Đặng Thị T có trách nhiệm thanh toán tiền cho chị Nguyễn Diệp C và đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn anh Đỗ Tuấn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T.

Bị đơn anh Đỗ Tuấn A giữ nguyên nội dung kháng cáo và xác định: Nguồn gốc tiền mua chiếc xe ô tô Mercedes - Ben biển số 22A-13555 là tiền của gia đình do mẹ anh bà Đặng Thị T tiết kiệm được và vay mượn của người quen đưa cho anh mua xe nhưng cho anh đăng ký đứng tên, sau khi mua xe Mercedes - Ben biển số 22A-13555 năm 2021 được một thời gian anh đã bán chiếc xe Hyundai Accent, biển số 22A - 081.90 được khoảng 400.000.000 đồng để trả bớt một phần nợ. Không phải tiền mua xe Mercedes - Ben biển số 22A-13555 từ giao dịch bán cây Lan mà có, chị C không có đóng góp gì vào việc mua xe Mercedes - Ben biển số 22A-13555, nên không nhất trí chia giá trị xe ô tô cho chị C. Xe ô tô Mercedes - Ben biển số 22A-13555 anh đã bán cho đại lý hãng Mercedes tại Đức Giang - Hà Nội, liên hệ giao dịch mua, bán xe ô tô do anh thực hiện ngày 30/7/2022, số tiền mua bán được chuyển vào tài khoản mở của anh tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang; theo giao dịch tiền bán xe là 2.010.000.000 đồng nhưng thực tế chỉ được nhận tiền 1.900.000.000 đồng, vì trừ phần trăm thanh toán cho đại lý môi giới bán xe. Ngày 01/8/2022 anh đã trực tiếp đến Ngân hàng Công Thương Chi nhánh Tuyên Quang rút tiền mặt và quản lý tiền bán xe ô tô; anh không đưa tiền cho bà Đặng Thị T quản lý. Tại phiên tòa sơ thẩm anh khai xác định tiền bán xe ô tô đưa cho bà Đặng Thị T quản lý là không đúng. Thủ tục chuyển nhượng xe ô tô đã thực hiện xong từ khi mua bán xe ô tô. Anh không nhất trí chia giá trị xe ô tô cho chị C. Trường hợp Tòa án xác định chị C có công sức đóng góp mà chia tỷ lệ được hưởng trị giá xe ô tô Mercedes cho chị C, thì anh đề nghị HĐXX xem xét cả anh và chị C có trách nhiệm thanh toán số tiền 150.000.000 đồng mà năm 2018 khi mua xe ô tô Hyundai Accent đã vay tiền của bà Đặng Thị T mỗi người là 75.000.000 đồng và tiền đầu tư mua cây hoa Lan bị sai Ki, mất giá không bán được số tiền khoảng 1.600.000.000 đồng, chị C chịu số tiền 800.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T nộp đơn kháng cáo (bổ sung) tại phiên tòa phúc thẩm ngày 10/3/2023. Bổ sung nội dung kháng cáo:

Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm xác định chiếc xe ô tô Mercedes - Ben biển số 22A-13555 là tài sản chung của vợ chồng chị C và anh Tuấn A và chia tài chung cho hai anh chị thì đề nghị Tòa án tuyên anh Đỗ Tuấn A có nghĩa vụ thanh toán tiền trị giá xe ô tô cho chị C, vì theo tài liệu cấp sơ thẩm thu thập được anh Tuấn A là người đứng tên trong giấy tờ chuyển nhượng xe, việc mua, bán xe do anh Tuấn A thực hiện, giao dịch thông qua tài khoản của anh Tuấn A, anh Tuấn A là người quản lý tiền, nếu tuyên bà là người có trách nhiệm hoàn trả tiền cho chị C là bất lợi, gây thiệt hại cho bà. Và bà T xin rút yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét số tiền 150.000.000 đồng anh Tuấn A và chị C còn nợ bà và yêu cầu mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho bà $\frac{1}{2}$ số tiền là 75.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày 20, 21 tháng 3 năm 2023, bà Đặng Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo như đơn kháng cáo bổ sung ngày 10/3/2023 và xác định: Bà không có tiền đóng góp trong việc mua xe ô tô Mercedes - Ben biển số 22A-13555 đứng tên Đỗ Tuấn A. Rút yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét buộc chị Nguyễn Diệp C, anh Đỗ Tuấn A có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền 150.000.000 đồng mà năm 2018 khi mua xe ô tô Hyundai Accent đã vay tiền của bà. Khi giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm bà xác định anh Đỗ Tuấn A đưa cho bà quản lý số tiền 1.800.000.000 đồng tiền bán xe ô tô là chưa đúng, vì bà cho rằng xe ô tô do tiền của gia đình bà đưa cho anh Đỗ Tuấn A nên mới khai như vậy. Xe ô tô Mercedes - Ben biển số 22A-13555, anh Đỗ Tuấn A là người trực tiếp giao dịch bán, nhận tiền. Trường hợp HĐXX phúc thẩm xác định chiếc xe ô tô Mercedes - Ben biển số 22A-13555 là tài sản chung của vợ chồng chị C và anh Tuấn A và chia tài chung này thì anh Đỗ Tuấn A có nghĩa vụ thanh toán tiền trị giá xe ô tô cho chị C, bà không có trách nhiệm thanh toán do bà không quản lý tiền bán xe ô tô.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn T1 không kháng cáo bản án, có đơn xin giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên HĐXX, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn kháng cáo đề nghị chia 50% giá trị tài sản chung là giá trị tiền xe ô tô Merceder - Ben biển số 22A-13555, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị HĐXX giữ nguyên việc chia tài sản chung như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Bị đơn kháng cáo xác định xe ô tô Merceder - Ben biển số 22A-13555 nguyên đơn không có công sức đóng góp không nhất trí chia cho nguyên đơn, nội dung kháng cáo không có căn cứ, Đề nghị HĐXX không chấp nhận. Nội dung xác định trong thời kỳ hôn nhân còn nợ bà Đặng Thị T số tiền 150.000.000 đồng, mỗi người có trách nhiệm thanh toán 75.000.000 đồng và đầu tư kinh doanh cây hoa Lan bị mất giá nợ khoảng 1.600.000.000 đồng nguyên đơn chị Nguyễn Diệp C có trách nhiệm thanh toán một phần tiền nợ này. Xét thấy khi giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm các đương sự đều xác định tiền nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T không có yêu cầu độc lập đề nghị giải quyết việc chị C, anh Tuấn A nợ tiền; cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết, nội dung kháng cáo của bị đơn vượt phạm vi xét xử phúc thẩm, đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

Kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T: Nội dung xác định tiền mua xe ô tô Merceder - Ben biển số 22A-13555 là của gia đình bà không phải của anh Tuấn A, chị C mà chỉ để cho anh Tuấn A đứng tên đăng ký xe ô tô; tại phiên tòa bà T xác định lại khi mua xe ô tô Merceder - Ben biển số 22A-13555 gia đình bà không đóng góp tiền cho anh Tuấn A, do đó không phải xem xét. Nội dung kháng cáo anh Tuấn A và chị C còn nợ bà số tiền 150.000.000 đồng, mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho bà 75.000.000 đồng, tại đơn kháng cáo bổ sung ngày 10/3/2023 và tại phiên tòa phúc thẩm bà T đã rút nội dung kháng cáo, do đó đề nghị HĐXX không xem xét. Nội dung kháng cáo trường hợp HĐXX phúc thẩm xác định chiếc xe ô tô Merceder - Ben biển số 22A-13555 là tài sản chung của vợ chồng chị C và anh Tuấn A và chia tài sản chung này thì anh Đỗ Tuấn A có nghĩa vụ thanh toán tiền trị giá xe ô tô cho chị C, bà không có trách nhiệm thanh toán do bà không quản lý tiền bán xe ô tô. Nhận thấy khi giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm anh Tuấn A khai đã đưa tiền cho bà T quản lý, bà T thừa nhận đang quản lý tiền bán ô tô nên buộc bà T phải hoàn trả tiền cho chị C là hợp lý, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm anh Tuấn A, bà T thay đổi lời khai xác định tiền bán ô tô do anh Tuấn A đang quản lý, nội dung lời khai của anh Tuấn A, bà T phù hợp với chứng cứ như Bảng sao kê chi tiết giao dịch tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam chi nhánh Tuyên Quang trong tài khoản anh Tuấn A là người nhận tiền bán xe ô tô, anh Tuấn A là người rút tiền tại ngân hàng, do đó có căn cứ chấp nhận

kháng cáo của bà Đặng Thị T buộc anh Tuấn A có trách nhiệm thanh toán tiền cho chị C mà không phải là bà Thái.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Diệp C, bị đơn anh Đỗ Tuấn A. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T, sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 181/2022/DS-ST, ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang về trách nhiệm hoàn trả tiền cho chị Nguyễn Diệp C là anh Đỗ Tuấn A.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Diệp C, bị đơn anh Đỗ Tuấn A phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 10/10/2022, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Diệp C; ngày 11/10/2022, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T; ngày 12/10/2022, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn anh Đỗ Tuấn A; ngày 09/3/2023, Tòa án nhận được đơn kháng cáo bổ sung của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị T kháng cáo một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 181/2022/DS-ST, ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang về phần chia tài sản chung. Đơn kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên đơn kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của các đương sự, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Diệp C:

Chị C cho rằng tài sản xe ô tô được hình thành trong thời kỳ hôn nhân bằng nguồn thu nhập không thường xuyên, chị có công sức đóng góp đề nghị được hưởng mức 50% giá trị. HĐXX thấy rằng chiếc xe ô tô Merceder - Ben biển số 22A-13555 được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, tại cấp sơ thẩm bị đơn anh Đỗ Tuấn A lúc đầu xác định là tài sản riêng, sau đó thay đổi xác định nguồn tiền mua xe là của bà Đặng Thị T (mẹ đẻ) đưa cho; tại phiên tòa phúc thẩm bà Đặng Thị T xác định xe ô tô Merceder - Ben biển số 22A-13555 bà và chồng là ông Đỗ

Văn T1 không có sự đóng góp tiền khi anh Đỗ Tuấn A mua xe. Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm xác định xe ô tô Merceder - Ben biển số 22A-13555 là tài sản chung của chị Nguyễn Diệp C và anh Đỗ Tuấn A. Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, xác định công sức đóng góp, tạo lập tài sản chung anh Đỗ Tuấn A có công sức nhiều hơn nên đã tuyên chị Nguyễn Diệp C được sở hữu, sử dụng 30% giá trị tài sản; anh Đỗ Tuấn A được sở hữu, sử dụng 70% giá trị tài sản của xe ô tô Merceder - Ben biển số 22A-13555 với số tiền 1.900.000.000 đồng. Xét thấy việc chia tài sản chung của cấp sơ thẩm là có căn cứ, đã xem xét đến công sức đóng góp, tạo lập tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án. Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới, do đó không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

[2.2] Kháng cáo của bị đơn anh Đỗ Tuấn A:

- Nội dung bị đơn cho rằng xe ô tô Merceder - Ben biển số 22A-13555 không có công sức đóng góp của chị Nguyễn Diệp C, không nhất trí chia cho chị C. Xét thấy: Việc kháng cáo của bị đơn không có căn cứ, vì nguồn tiền để mua xe ô tô được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, nếu là tài sản riêng được thừa kế, tặng cho thì đương sự phải có chứng cứ chứng minh. Tại cấp sơ thẩm bà Đặng Thị T xác định tiền mua xe ô tô do gia đình bà đưa cho anh Đỗ Tuấn A, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bà T xác định không có đóng góp gì khi anh Tuấn A mua xe ô tô nêu trên; do đó không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn.

- Nội dung kháng cáo cho rằng anh Đỗ Tuấn A và chị Nguyễn Diệp C còn nợ bà Đặng Thị T 150.000.000 đồng, mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho bà T 75.000.000 đồng và đầu tư kinh doanh cây hoa Lan bị mất giá nợ khoảng 1.600.000.000 đồng, nguyên đơn chị Nguyễn Diệp C có trách nhiệm thanh toán một phần tiền nợ này. Xét thấy khi giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm các đương sự đều xác định không có tiền nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T không có yêu cầu độc lập đề nghị giải quyết việc chị C, anh Tuấn A nợ tiền. Nội dung kháng cáo của bị đơn ở cấp sơ thẩm đương sự không có yêu cầu, chưa được xem xét giải quyết, nội dung kháng cáo của bị đơn vượt phạm vi xét xử phúc thẩm, do đó HĐXX không xem xét, giải quyết. Trường hợp trong thời kỳ hôn nhân giữa các đương sự có nợ chung mà không tự thống nhất, thỏa thuận với nhau về trách nhiệm thanh toán nợ được, thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T:

- Nội dung xác định tiền mua xe ô tô Merceder - Ben biển số 22A-13555 là của gia đình bà không phải của anh Đỗ Tuấn A, chị Nguyễn Diệp C mà bà Đặng

Thị T để cho anh Tuấn A đứng tên đăng ký xe ô tô. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Đặng Thị T xác định khi mua xe ô tô Mercedes - Ben biển số 22A-13555, gia đình bà không đóng góp tiền cho anh Đỗ Tuấn A, không yêu cầu xem xét, xác định tiền mua xe ô tô, không tranh chấp tài sản xe ô tô Mercedes - Ben biển số 22A-1355; do đó, HĐXX không xem xét, giải quyết.

- Nội dung kháng cáo cho rằng anh Đỗ Tuấn A và chị Nguyễn Diệp C còn nợ bà số tiền 150.000.000 đồng, mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho bà 75.000.000 đồng. Tại đơn kháng cáo bổ sung ngày 09/3/2023 và tại phiên tòa phúc thẩm bà Đặng Thị T đã tự nguyện rút nội dung kháng cáo. Xét thấy tại cấp sơ thẩm bà Đặng Thị T không có yêu cầu nên chưa được xem xét, giải quyết ở cấp sơ thẩm. Tại cấp phúc thẩm bà Đặng Thị T rút yêu cầu kháng cáo, do đó, HĐXX không xem xét.

- Nội dung kháng cáo trường hợp HĐXX phúc thẩm xác định chiếc xe ô tô Mercedes - Ben biển số 22A-13555 là tài sản chung của vợ chồng chị C và anh Tuấn A và chia tài chung này thì anh Đỗ Tuấn A có nghĩa vụ thanh toán tiền trị giá xe ô tô cho chị C, bà không có trách nhiệm thanh toán do bà không quản lý tiền bán xe ô tô. Xét thấy: Khi giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm anh Đỗ Tuấn A khai đã đưa tiền cho bà Đặng Thị T quản lý, bà Đặng Thị T thừa nhận đang quản lý tiền bán xe ô tô, do đó cấp sơ thẩm đã buộc bà Đặng Thị T phải hoàn trả tiền cho chị C là hợp lý. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đỗ Tuấn A, bà Đặng Thị T thay đổi lời khai đều xác định: Giao dịch bán ô tô là do anh Đỗ Tuấn A thực hiện, tiền bán ô tô do anh Đỗ Tuấn A đang quản lý; anh Đỗ Tuấn A không chuyển tiền cho bà Đặng Thị T quản lý. Nội dung lời khai của anh Đỗ Tuấn A, bà Đặng Thị T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như Bảng sao kê chi tiết giao dịch tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam chi nhánh Tuyên Quang trong tài khoản anh Đỗ Tuấn A là người nhận tiền bán xe ô tô, anh Đỗ Tuấn A là người thực hiện rút tiền mặt tại Ngân hàng, không có chứng cứ thể hiện anh Đỗ Tuấn A chuyển tiền bán xe ô tô cho bà Đặng Thị T quản lý. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị T, buộc anh Đỗ Tuấn A là người có trách nhiệm thanh toán tiền giá trị tài sản chung 570.000.000 đồng cho chị Nguyễn Diệp C, mà không phải bà Đặng Thị T.

[3] Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn chị Nguyễn Diệp C, bị đơn anh Đỗ Tuấn A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Diệp C, bị đơn anh Đỗ Tuấn A, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 181/2022/DS-ST, ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang về phần chia tài sản chung như sau:

Xử: Chị Nguyễn Diệp C được quyền sử dụng, sở hữu 30% của số tiền 1.900.000.000 đồng (*Một tỷ chín trăm triệu đồng*) là trị giá chiếc xe ô tô Mercedes - Ben GLC 300 4MATIC, BKS 22A-13555, giấy đăng ký xe mang tên anh Đỗ Tuấn A = 570.000.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi triệu đồng*).

Anh Đỗ Tuấn A được quyền sử dụng, sở hữu 70% của số tiền 1.900.000.000 đồng (*Một tỷ chín trăm triệu đồng*) là trị giá chiếc xe ô tô Mercedes - Ben GLC 300 4MATIC, BKS 22A-13555 giấy đăng ký xe mang tên anh Đỗ Tuấn A = 1.330.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng*).

2. Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T về phần tuyên trách nhiệm thanh toán tiền giá trị tài sản cho nguyên đơn chị Nguyễn Diệp C như sau: Anh Đỗ Tuấn A có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Diệp C số tiền 570.000.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí phúc thẩm:

Chị Nguyễn Diệp C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0000558 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án

dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị Nguyễn Diệp C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Anh Đỗ Tuấn A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0000534 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Anh Đỗ Tuấn A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Bà Đặng Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 21/3/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố T;
- THADS thành phố T;
- Các đương sự, Luật sư;
- Lưu VP (HCTP);
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phúc An Hoàn